

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Văn Nhó

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Ông Nguyễn Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 413/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa:

**Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm: 1995; địa chỉ: Xã T T, thôn R, huyện B T, tỉnh Quảng Bình; có mặt

**Bị đơn:* Ông Dương Phúc N, sinh năm: 1989; địa chỉ: Số 71 N D, phường K T, quận C L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 09 năm 2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Dương Phúc N kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 194/2019 ngày 04/12/2011). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung tại số 71 đường N D, phường K T, quận C L, thành phố Đà Nẵng sống đến tháng 03 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau, ông N không có trách nhiệm, không quan tâm đến vợ con. Hiện nay, tôi và ông N không sống chung với nhau, tôi đã đưa 02 con nhỏ về quê mẹ ở xã T T, thôn R, huyện B T, tỉnh Quảng Bình sinh sống từ năm 2021 đến nay. Nay tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, tôi không

còn tình cảm gì với ông N nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Dương Phúc N.

- Về quan hệ con chung: Tôi và ông N có 02 con chung Dương Nguyễn Huyền A, sinh ngày: 10/6/2020 và con Dương Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày: 19/01/2022. Hiện nay, 02 con gái còn quá nhỏ, dưới 03 tuổi nên bà có nguyện vọng nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Tôi yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng (mỗi con 750.000 đồng) cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành

- Về tài sản chung: Bà L xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà L xác nhận không có.

Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 15/12/2022, bị đơn ông Dương Phúc N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác định thời gian về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như trình bày của bà Nguyễn Thị Bích L là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông thuận tình ly hôn với bà L

Về con chung: Ông xác định vợ chồng ông có 02 con chung tên: Dương Nguyễn Huyền A, sinh ngày: 10/6/2020 và con Dương Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày: 19/01/2022. Ông có nguyện vọng nhận nuôi con Dương Nguyễn Huyền A, sinh ngày: 10/6/2020 và giao con Dương Nguyễn Quỳnh A cho bà L nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Ông xác nhận không có.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Bà Nguyễn Thị Bích L khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Dương Phúc N cư trú tại địa chỉ số 71 N D, phường K T, quận C L, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Bị đơn ông Dương Phúc N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Bích L yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn ông Dương Phúc N

Xét thấy: Qua lời khai của bà L cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Nguyễn Thị Bích L và ông Dương Phúc N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên có lời qua tiếng lại, vợ chồng sống không hạnh phúc.

Bà L và ông N đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay, bà L và 02 cháu Dương Nguyễn Huyền A và cháu Dương Nguyễn Quỳnh A đã về nhà cha mẹ ruột của bà để sinh sống tại xã T T, thôn R, huyện BỐ T, tỉnh Q B. Ông N vẫn còn đang sinh sống cùng gia đình tại địa chỉ số 71 Nguyễn Dữ, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Tại phiên hòa giải ngày 15/12/2022 ông N cũng đã thống nhất thuận tình ly hôn với bà L. Do vậy, có cơ sở khẳng định đời sống chung giữa vợ chồng bà L ông N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Liên đối với ông N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Bà Liên và ông Nam có 02 con chung tên Dương Nguyễn Huyền Anh, sinh ngày: 10/6/2020 và con Dương Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày: 19/01/2022. Ly hôn, bà Liên yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung; yêu cầu ông Nam phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng (mỗi con 750.000 đồng) cho đến khi con đủ trưởng thành. Ông Nam Ông có nguyện vọng nhận nuôi con Dương Nguyễn Huyền A, sinh ngày: 10/6/2020 và giao con Dương Nguyễn Quỳnh A cho bà Liên nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Xét thấy, việc giao con chung cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, để con phát triển toàn diện về mặt thể chất và tinh thần. Hiện nay, bà Liên và ông Nam không còn sống chung với nhau, 02 con Dương Nguyễn Huyền A và Dương Nguyễn Quỳnh A chưa đủ 03 tuổi và hiện các cháu đang được bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, không nên xáo trộn cuộc sống hiện tại của các con nên giao 02 con Dương Nguyễn Huyền A và Dương Nguyễn Quỳnh A cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, do bà L trực tiếp nuôi 02 con nên ông Nam phải có nghĩa vụ cấp dưỡng là phù hợp và để đảm bảo quyền lợi của các con. Bà Liên yêu cầu mức cấp dưỡng mỗi con 1.500.000 đồng/ tháng là phù hợp và được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung:* Bà L, ông N xác nhận không có.

[4] *Về nợ chung:* Bà L, ông N xác nhận không có.

[5] *Về án phí:* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*). Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông Dương Phúc N phải chịu.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Bích L được ly hôn ông Dương Phúc N.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Dương Nguyễn Huyền A, sinh ngày: 10/6/2020 và con Dương Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày: 19/01/2022 cho bà Nguyễn Thị Bích L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Ông Dương Phúc N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng mỗi con cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành.

Các bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung hai bên đều có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai thu số 0002171 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông Dương Phúc N phải chịu.

4. Báo cho bà Nguyễn Thị Bích L biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Riêng ông Dương Phúc N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- CCTHADS Q. Cẩm Lệ;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Khuê Trung;
- Dương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Văn Nhó

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trình Trần Đức Hiếu

Phùng Văn Nhơ

Nơi nhân:

THẨM

- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- CCTHADS Q. Cẩm Lệ;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Hòa Phát;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

